

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày 27 - 12 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
giữa bà T và chị M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn H

Ông Trần Xuân Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N,
tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn
Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam
Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 09
tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Số 145/16 khu phố, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Là
nguyên đơn;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Cao Ngọc Phương T,
sinh năm 2001;

Địa chỉ: Số nH, đường N, tổ 2, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng
Nai.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn H, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà T, chị T và chị M đều vắng mặt có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2023, bản tự khai ngày 23/10/2023, biên bản lấy khai ngày 24/11/2023 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Cao Ngọc Phương T trình bày:

Bà Vũ Thị T (tức bà Đức gọi theo tên chồng) và chị M trước kia là Hng xóm của nhau, bà T đã cho chị M vay tiền nhiều lần: Vay lần đầu vào ngày 17/02/2019 với số tiền 100 triệu đồng, khi vay hai bên có viết giấy biên nhận ghi trong quyển vở ô ly học sinh do chị M viết và ký ghi rõ họ tên Nguyễn Thị M. Các lần vay sau do bà T và chị M viết phía dưới của trang giấy vay lần đầu. Tổng số tiền gốc bà T cho chị M vay là 400 triệu đồng. Về lãi suất: Khi vay hai bên thỏa thuận miệng 1%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Chị M đã nhận đủ số tiền 400 triệu đồng của bà T, do bà T nhờ chị Nguyễn Thu H là con gái giao cho chị M.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Chị M đã trả cho bà T làm nhiều lần tính đến ngày 21/5/2021 chị M đã trả được cho bà T số tiền gốc là 229,500.000 đồng và tiền lãi suất 1%/tháng đến ngày 21/5/2021. Hiện chị M còn nợ bà T số tiền gốc là 170.500.000 đồng và lãi suất 1%/tháng/số nợ gốc từ ngày 22/5/2021 đến nay bà T đã đòi nhiều lần nhưng chị M khất lần không trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị M có ý kiến: Chị có hoàn cảnh khó khăn, không còn tài sản nào khác ngoài 100m² đất rừng chị nhận chuyển nhượng của anh Trần Văn Mỹ (Hợp đồng có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền) chị M tự nguyện gán đất cho bà T để bà xóa toàn bộ số nợ gốc và lãi cho chị. Nhưng bà T không đồng ý, chị M vay tiền thì phải trả tiền và bà cũng không miễn lãi cho chị M. Do vậy, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T, đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị T số tiền nợ gốc là 170.500.000 đồng và lãi suất 1%/tháng của số nợ gốc tính từ ngày 22/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2023 bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Do chị và bà Vũ Thị T có mối quan hệ là Hng xóm của nhau, bà T gợi ý cho chị vay tiền để cho người khác vay, chị đồng ý và vay của bà T làm nhiều lần từ tháng 4 năm 2019 với tổng số tiền 400 triệu đồng (thời gian cụ thể từng lần chị không nhớ) khi vay chị tự viết giấy vay vào quyển vở ô ly học sinh của bà T (tức bà Đức gọi theo tên chồng), lãi suất hai bên có thỏa thuận miệng 1%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Chị đã nhận đủ số tiền 400 triệu đồng vay của bà T do chị H con gái bà T giao cho chị.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị đã trả cho bà T làm nhiều lần cả tiền gốc và tiền lãi, tính đến ngày 21/5/2021 chị còn nợ bà T số tiền gốc là 170.500.000 đồng và lãi suất 1%/tháng/nợ gốc còn lại cho đến nay đúng như yêu cầu khởi kiện của bà T.

Hiện chị có hoàn cảnh khó khăn vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012, một mình nuôi 02 con nhỏ ăn học, phải bán nh trong Đồng Nai để trả nợ, về quê sống nhờ bố mẹ đẻ, bản thân làm nghề tự do không có thu nhập ổn định nên xin bà T miễn tiền lãi cho chị. Trường hợp bà T không đồng ý, buộc chị phải trả cả gốc và Lãi, thì chị tự nguyện gán hơn 100m² đất rừng chị nhận chuyển nhượng của anh Trần Văn Mỹ (Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng 01 phần QSDĐ có công chứng,

chứng thực của cơ quan có thẩm quyền) vào năm 2018 cho bà T để bà T xóa toàn bộ số nợ gốc và lãi cho chị. Nếu bà T không đồng ý chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 và 357 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị T 170.500.000 đồng tiền gốc và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm, 07 tháng, 05 ngày là (170.500.000 đồng x 1%/tháng x 31 tháng, 05 ngày) 53.139.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 223.639.000 đồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị T có văn bản ủy quyền cho chị Cao Ngọc Phương T. Tại phiên tòa chị T và chị Nguyễn Thị M đều có ý kiến xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Từ ngày 17/02/2019 đến ngày 11/3/2019 chị Nguyễn Thị M có viết "Giấy vay tiền" của bà Vũ Thị T với tổng số tiền gốc là 400.000.000 đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 1% một tháng và không thỏa thuận thời hạn trả. Trên cơ sở nội dung các bên ký kết thì đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn theo Điều 463, 469 Bộ luật dân sự. Hợp đồng đã được hai bên tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi người có đủ năng lực hành vi dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, bà Vũ Thị T đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tiền 400.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị M đã nhận đủ số tiền vay 400.000.000 đồng và đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc là

229.500.000 đồng và lãi đến ngày 21/5/2021. Số tiền gốc chị M còn nợ bà T là 170.500.000 đồng sau đó chị M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, mặc dù bà T đã đòi nhiều lần nhưng chị M nhất là không trả. Nên bà T làm đơn khởi kiện buộc chị M phải có nghĩa vụ trả cho bà 170.500.000 đồng tiền gốc và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Chị Nguyễn Thị M thừa nhận chị đã vay bà T nhiều lần với tổng số tiền là 400.000.000 đồng (chị không nhớ thời gian cụ thể), chị cũng đã trả tiền gốc và tiền lãi cho bà T đúng như bà T trình bày. Kể từ ngày 22/5/2021 đến nay chị còn nợ bà T 170.500.000 đồng tiền gốc và lãi suất 1%/tháng đúng như yêu cầu của bà T. Chị không trốn nợ nhưng nay chị có hoàn cảnh khó khăn nên chị chưa trả nợ được cho bà T, xin bà T miễn lãi, số nợ gốc khi nào có tiền chị sẽ trả cho bà T.

Việc chị M có ý kiến gán nợ cho bà T hơn 100m² đất rừng do chị nhận chuyển nhượng của anh Trần Văn Mỹ vào năm 2018. Nhưng bà T không đồng ý, bà T yêu cầu chị M vay tiền thì phải trả tiền và trả lãi theo thỏa thuận, không miễn lãi cho chị M, nên ý kiến của chị M không có căn cứ để xem xét.

[5] Từ những phân T trên Hội đồng xét xử thấy: Có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T. Buộc chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc là 170.500.000 đồng và phải trả số tiền lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/12/2023 là 02 năm (tức 24 tháng), 07 tháng, 05 ngày với số tiền là (170.500.000 đồng x 1%/tháng x 31 tháng, 05 ngày) 53.139.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi chị M phải trả cho bà T là 223.639.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 466 và 469 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Số tiền án phí chị M phải nộp là (223.639.000 đồng x 5%) 11.182.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị T 170.500.000 đồng tiền gốc và 53.139.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền phải trả là 223.639.000 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn).

2. Nghĩa vụ thi Hnh án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động thi Hnh án) hoặc kể từ ngày người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án cho đến khi thi Hnh xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 11.182.000 đồng

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện N;
- Chi cục THA dân sự huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh